

Bản án số: 17/2026/HS-ST
Ngày: 18/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Tựu

Bà Bé Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Đức Quế – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Luận – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2026/TLST-HS ngày 09/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11a/2026/QĐXXST-HS ngày 23/02/2026 đối với:

*** Bị cáo:**

Họ và tên: **Dương Văn H** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 15/6/2005 tại xã C, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn L (Đã chết) và bà Trương Thị P, sinh năm 1978; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: 01 - Ngày 31/10/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 09 (C) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 47/2024/HS-ST. Chấp hành xong ngày 01/5/2025. Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: 01 - Ngày 25/12/2023 bị Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) phạt tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 1063/QĐ-XPHC. Chưa thi hành, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

- Nhân thân:

+ Ngày 19/10/2020 bị Công an thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 16/QĐ-XPHC;

+ Ngày 05/12/2020 bị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi “Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định số 18/QĐ-XPHC.

+ Ngày 08/01/2021 bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 06 (Sáu) tháng theo Quyết định số 06/QĐ-UBND.

+ Ngày 12/3/2021 bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 15/QĐ-XPHC.

+ Ngày 26/4/2021 bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 23/QĐ-XPHC.

+ Ngày 18/5/2021 bị Công an thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định số 10/QĐ-XPHC.

+ Ngày 10/6/2021 bị Công an xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 07/QĐ-XPHC.

+ Ngày 12/8/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (cũ) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường G với thời hạn 18 (Mười tám) tháng theo Quyết định số 14/QĐ-TA. Chấp hành xong ngày 30/3/2023.

+ Ngày 04/12/2025 bị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên xử phạt 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 11/2025/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2025 và đang chấp hành án trong vụ án khác tại Trại giam T4 - Bộ C2. Có mặt tại phiên tòa.

*** Các bị hại:**

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

2. Ông Vy Văn D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Dương Hoàng N, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Quốc L1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn H, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt.

2. Anh Vy Tuấn H1, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vy Văn D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

3. Anh Bé Thanh D1, sinh năm 2008. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1981. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Đều vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị H2, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn H, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

5. Anh Hoàng Quốc T1, sinh năm 2008. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn H3, sinh năm 1985. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Đều vắng mặt.

6. Anh Lê Trọng K1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ A, phường P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Ngày 21/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) Công an tỉnh T tiếp nhận tin báo về tội phạm của chị Hoàng Thị H2, sinh năm 2001, trú tại thôn H, xã C, tỉnh Thái Nguyên với nội dung: Vào khoảng 23 giờ ngày 13/8/2025 chị H2 có để 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, số máy JA70E0607999, số khung RLHJA3932RY217256, màu sơn trắng, mang biển kiểm soát (BKS) 97AK-019.97 ở ngoài sân nhà và khóa cửa đi ngủ. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 14/8/2025 chị H2 phát hiện chiếc xe đã bị mất trộm. Đây là chiếc xe thuộc quyền sở hữu của bà Hoàng Thị T, sinh năm 1982, trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (là mẹ đẻ của chị H2), bà T đã giao chiếc xe này cho chị H2 sử dụng, quản lý từ tháng 9/2024.

Qua xác minh, CQCSĐT Công an tỉnh T xác định Dương Văn H, sinh năm 2005, trú tại thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên là người đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy trên của bà Hoàng Thị T.

*** Tại giai đoạn điều tra, truy tố:** Dương Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về thời gian, địa điểm, mục đích, quá trình thực hiện hành vi phạm, thủ đoạn và tài sản đã trộm cắp được. Cụ thể:

Ngày 12/8/2025 Dương Văn H đi đến khu Đ, tỉnh Thái Nguyên chơi và gặp Dương Hoàng Nguyên sinh ngày 19/3/2008, trú tại thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên. H hỏi mượn tiền của N nhưng N không có tiền nên H đã nhờ N đi cầm cố chiếc xe mô tô của N để lấy tiền cho H mượn thì N đồng ý và đi cầm cố chiếc xe được số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) rồi đưa cho H. Ngày 13/8/2025, N yêu cầu H trả tiền để đi chuộc lại chiếc xe nhưng H không có tiền trả cho N nên H đã rủ N về xã C “nhảy xe” (tức là lấy trộm xe) đem đi bán để lấy tiền chuộc xe cho N thì N cũng đồng ý và cả hai đã bắt xe khách đi về xã C vào khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày. Trên đường đi về, H bảo N chuẩn bị cho H 01 (Một) chiếc Tua vít và 01 (Một) chiếc Cờ lê. Đến 23 giờ, cả hai xuống xe khách tại ngã tư đường Q thuộc thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó, H đi bộ đến khu vực cổng Trung tâm y tế B2 đợi còn N đi bộ đến quán B3 tại thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên và mượn được 01 (Một) xe mô tô của người đang chơi bi-a trong quán không biết là người nào rồi điều khiển xe đi đến quán B4 cũng thuộc thôn B, xã C mượn của Hoàng Quốc T1, sinh năm 2008, trú tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên được 01 (Một) chiếc Cờ lê và 01 (Một) chiếc Tua vít. Sau khi chuẩn bị đồ xong, N điều khiển xe mô tô đi đến khu vực Trung tâm y tế B2 để đón H, N

đưa cho H Tua vít cùng Cờ lê và tiếp tục chở H đi vòng quanh khu vực trung tâm xã C tìm xe mô tô để lấy trộm.

Khoảng 01 giờ ngày 14/8/2025, khi đi qua nhà chị Hoàng Thị H2, sinh năm 2001, trú tại thôn H, xã C, H phát hiện có 01 (Một) chiếc xe ô tô dựng tại sân trước cửa nhà chị H2 nên đã xuống xe đi bộ đến gần nhà chị H2, còn N điều khiển xe đi đến đoạn đường gần Ủy ban nhân dân huyện B cũ thì dừng xe để chờ H. Sau khi xuống xe, H đi bộ vào sân nhà chị H2, quan sát thấy nhà chị H2 đã khóa cửa, xung quanh không có người, H dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, BKS 97AK-019.97 đang dựng ở sân rồi đi đến đoạn đường rẽ vào Ủy ban nhân dân huyện B cũ thì thấy N đang đứng đợi. H dựng chiếc xe rồi sử dụng Cờ lê để tháo biển số xe, dùng Tua vít tháo mặt nạ xe và đấu nối dây điện tại ổ khóa và đề nổ được xe, N đứng cạnh sử dụng đèn pin của điện thoại soi cho H thực hiện toàn bộ hành vi vi phạm.

Sau khi đề nổ, H điều khiển chiếc xe vừa lấy trộm được đi về quán bi-a Mai T2 còn N cũng điều khiển xe mô tô mượn trước đó đi vòng qua đường quốc lộ 279 đi về quán B3. Khi đi qua quán C3 tại thôn A, xã C, N thấy Bé Thanh D1, sinh năm 2009, trú tại thôn D, xã C (là bạn của N) đang dọn dẹp trong quán nên bảo Dưỡng đi đến quán B3 rồi nhờ D1 đi cùng H đi trung tâm tỉnh Thái Nguyên. Nguyên trả lại chiếc xe mô tô đã mượn trước đó rồi đi về nhà. H điều khiển xe chở D1 đi đến quán mua bán xe máy Phương Nam Motor của anh Lê Trọng K1, sinh năm 1988, trú tại tổ A, phường P, tỉnh Thái Nguyên và bán chiếc xe cho anh K1 được 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Sau đó, H thuê xe taxi cùng D1 đi đến tỉnh Bắc Ninh. H nhờ một người không biết tên, nhân thân, lai lịch chuyển cho N số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để N đi chuộc lại chiếc xe của N và đưa cho D1 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để D1 trả tiền xe khách đi về. Số tiền còn lại H chi tiêu cá nhân hết. Chiều ngày 14/8/2025 N đi xe khách đến tỉnh Bắc Ninh gặp H, sau đó dùng số tiền H đã chuyển cho đi chuộc lại chiếc xe của N.

Ngoài hành vi nêu trên, Dương Văn H còn tự khai nhận thêm về việc bản thân đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 (Một) xe mô tô của ông Vy Văn D, sinh năm 1983 trú tại thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể: Tối ngày 03/8/2025 H đi đến quán B5 thì thấy Vy Tuấn H1, sinh năm 2008 là con trai ruột của ông Vy Văn D cũng đang chơi tại quán. (H1 điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, BKS 97AK-033.90 của ông D đến quán chơi và dựng xe ngoài sân). Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H phát hiện H1 để chìa khóa xe tại bàn uống nước trong quán nên đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô này. Lợi dụng lúc H1 đang mải chơi, không để ý, H lấy chiếc chìa khóa xe mô tô và đi ra sân trước cửa quán ngồi đợi. Đến khi vắng người, H đã lấy trộm chiếc xe rồi điều khiển xe đi đến khu vực U, tỉnh Quảng Ninh và nhờ một người tên là B (mới quen, không biết nhân thân, lai lịch) đi cầm cố được 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, BKS 97AK-019.97, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, BKS 97AK-033.90, xe cũ đã qua sử dụng;

01 (Một) chiếc Tua vít nhọn, bằng kim loại, màu chì, dài 25cm và 01 (Một) chiếc Cờ lê 8 bằng kim loại, màu chì, dài 22cm.

Kết luận định giá tài sản số 3346/KL-HĐĐG ngày 19/9/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, BKS 97AK-019.97, xe cũ đã qua sử dụng tại thời điểm định giá có giá trị 14.800.000đ (Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Kết luận định giá tài sản số 3345/KL-HĐĐG ngày 19/9/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, BKS 97AK-033.90, xe cũ đã qua sử dụng tại thời điểm định giá có giá trị 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại cáo trạng số 24/CT-VKSKV9 ngày 04/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên đã truy tố Dương Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định khoản 1 Điều 173/BLHS.

*** *Tại phiên tòa:***

- Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như Cáo trạng đã nêu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Hoàng N và người đại diện hợp pháp là ông Phùng Quốc L1 có mặt tại phiên tòa cùng thống nhất trình bày: Đối với số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) mà ông L1 đã thay mặt N trả lại cho anh Lê Trọng K1 là hoàn toàn tự nguyện, ông L1 và N không yêu cầu H phải liên đới bồi hoàn.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên duy trì quyền công tố tại phiên tòa:* Giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

+ Tuyên bố bị cáo Dương Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Các Điều 38; 50; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h, o khoản 1 Điều 52/BLHS. Xử phạt bị cáo Dương Văn H từ 24 (Hai mươi tư) đến 30 (Ba mươi) tháng tù.

Áp dụng Điều 56/BLHS: Tổng hợp hình phạt 30 (Ba mươi) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 04/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên. Buộc bị cáo Dương Văn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/8/2025.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589/BLDS. Buộc bị cáo Dương Văn H phải bồi thường cho bị hại Vy Văn D giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt là 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Về xử lý vật chứng: Không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Tại phần tranh luận: Bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tại cáo trạng và bản luận tội, không tự bào chữa, không tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp có mặt tại phiên tòa không tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức án thấp nhất cho các bị cáo để các bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm trở về tái hòa nhập gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; chứng cứ, tài liệu do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập, do bị cáo cung cấp: Xét thấy đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo các quy định chung tại Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định khác đối với người dưới 18 tuổi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình điều tra, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Vắng mặt các bị hại, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của họ, tuy nhiên những người này đã có đầy đủ lời khai tại giai đoạn điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt đúng quy định, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường, với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ cơ sở xác định:

Ngày 03/8/2025 tại thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên, Dương Văn H đã một mình thực hiện hành vi trộm cắp 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, BKS 97AK-033.90, xe cũ đã qua sử dụng, trị giá 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) là tài sản của ông Vy Văn D, sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 14/8/2025 tại thôn H, xã C, tỉnh Thái Nguyên, Dương Văn H đã cùng với Dương Hoàng N, sinh ngày 19/3/2008, trú tại thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên thực hiện hành vi trộm cắp 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, BKS 97AK-019.97, xe cũ đã qua sử dụng, trị giá 14.800.000đ (Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng) là tài sản của bà Hoàng Thị T, sinh năm 1982, trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tổng giá trị tài sản Dương Văn H trộm cắp được là 30.400.000đ (Ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự với lỗi cố ý đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo là người đủ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đầy đủ nhận thức và không bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình, bản thân bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi nhưng vì mục đích thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên vẫn cố ý thực hiện nhiều lần, do đó mức hình phạt đối với bị cáo cần nghiêm minh nhằm phòng ngừa tội phạm chung.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Dương Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 173 có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

... ..

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Đối với Dương Hoàng N, đã cùng bị cáo Dương Văn H thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 14/8/2025. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội, N mới được 17 tuổi 4 tháng 26 ngày nên cơ quan tiến hành tố tụng đã quyết định tách vụ án vào ngày 16/01/2026 để giải quyết theo quy định của pháp luật về người chưa thành niên.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tội phạm Dương Văn H thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, tuy nhiên cũng gây ảnh hưởng xấu đến việc đảm bảo an ninh trật tự cũng như việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tại địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

- Bị cáo có nhân thân xấu: Từ năm 2020 đến nay đã bị Tòa án và các cơ quan quản lý Nhà nước xử phạt nhiều lần đều về hành vi trộm cắp tài sản (Cụ thể: 02 lần bị truy cứu trách nhiệm hình sự và 09 lần bị xử phạt vi phạm hành chính), bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân và sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cho thấy bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém, không có tinh thần thượng tôn pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đã bị tố giác và tự chủ động khai nhận

thêm hành vi phạm tội xảy ra vào ngày 03/8/2025 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo” và “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu 03 (Ba) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên”, “tái phạm” và “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại các điểm g, h, o khoản 1 Điều 52/BLHS

[5] Về hình phạt:

Trên cơ sở quy định của Bộ luật hình sự, HĐXX cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cùng nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy:

Về hình phạt chính: Cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với thực tiễn xét xử tại địa phương để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173/BLHS quy định về hình phạt bổ sung đối với người phạm tội, tuy nhiên xét thấy bị cáo là đối tượng ham chơi, lười lao động, không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị, việc áp dụng hình phạt bổ sung là không khả thi, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của họ đã cung cấp đầy đủ lời khai, các thông tin liên quan và ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án theo quy định.

Bị hại Hoàng Thị T đã được trả lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Bị hại Vy Văn D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) là giá trị của tài sản bị chiếm đoạt dựa trên Kết luận định giá tài sản do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trọng K1 đã được hoàn trả lại đầy đủ số tiền đã dùng để mua tài sản trộm cắp với H, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Hoàng N và người đại diện hợp pháp ông Phùng Quốc L1 không yêu cầu bị cáo liên đới chịu trách nhiệm đối với số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) mà ông L1 đã thay mặt N, H hoàn trả cho anh Lê Trọng K1.

Đối với chiếc Tua vít và Cờ lê mà N đã mượn của anh Hoàng Quốc T1 để đưa cho bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, sau đó bị cáo đã vứt đi, anh T1 không yêu cầu N và bị cáo phải trả lại hoặc bồi thường gì.

Đối với số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) H đã đưa cho D1 để trả tiền xe khách từ Thái Nguyên về Chợ R và số tiền thừa 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong tổng số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) H đã chuyển

khoản cho N (trong đó 3.500.000đ là trả nợ cho N để đi chuộc xe, 1.000.000đ là trả tiền lãi cho chủ cửa hàng cầm xe): H không yêu cầu D1 và N phải hoàn trả lại.

Đối với số tiền 80.000đ (T3 mươi nghìn đồng) N đã đưa cho H để ăn sáng và đồ xăng trước khi H từ Chợ R đi Bắc Ninh: Nguyên không yêu cầu H phải hoàn trả lại.

Xét những yêu cầu, ý kiến nêu trên của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[7] Về vật chứng:

Gồm có:

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, BKS 97AK-019.97, xe cũ đã qua sử dụng là tài sản của bà Hoàng Thị T. Quá trình điều tra, bà T đã chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp của mình nên được cơ quan CSĐT trả lại theo quy định, HĐXX xét thấy là phù hợp.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng, BKS 97AK-033.90, xe cũ đã qua sử dụng là tài sản của ông Vy Văn D, sau khi trộm cắp H đã điều khiển xe đến tỉnh Quảng Ninh và nhờ một người không rõ lai lịch, địa chỉ đi bán hộ, CQCSĐT không thu giữ được do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

- 01 (Một) chiếc Tua vít nhọn, bằng kim loại, màu chì, dài 25cm và 01 (Một) chiếc Cờ lê 8 bằng kim loại, màu chì, dài 22cm là công cụ phạm tội, H đã vứt đi, CQCSĐT đã tiến hành truy tìm vật nhưng không có kết quả, do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8] Về vấn đề khác:

- Đối với Bé thanh D1 là người đi cùng H mang chiếc xe mô tô trộm cắp được đi bán, D1 không biết chiếc xe do trộm cắp mà có. H đưa cho D1 số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là để D1 trả tiền xe đi về, không phải là tiền hưởng lợi từ hành vi phạm tội của H, do vậy không xem xét xử lý đối với D1. HĐXX xét thấy là phù hợp.

- Đối với Hoàng Quốc T1 là người cho N mượn chiếc Tua vít và Cờ lê: Tuy nhiên T1 không biết N mượn để sử dụng vào việc phạm tội, do đó không xem xét xử lý đối với T1. HĐXX xét thấy là phù hợp.

- Đối với người đã cho N mượn xe mô tô, sau đó N sử dụng chiếc xe này chở H đi lấy trộm tài sản, kết quả điều tra không xác định được ai là người cho N mượn xe, không xác định được đặc điểm nhận dạng chiếc xe, do đó không có cơ sở để xác minh, làm rõ. HĐXX xét thấy là phù hợp.

- Đối với người đã giúp H chuyển tiền cho N số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), kết quả điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, do đó không có cơ sở để xác minh, làm rõ. HĐXX xét thấy là phù hợp.

- Đối với người mua chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha, màu trắng, BKS 97AK-033.90, kết thúc điều tra H không cung cấp được họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để xác minh, làm rõ. HĐXX xét thấy là phù hợp.

- Đối với người tên B đã giúp H bán chiếc xe do H trộm cắp của ông D: H chỉ biết là tên B, không biết tên thật hay giả. Kết thúc điều tra, H không cung cấp

được họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để xác minh, làm rõ. HĐXX xét thấy là phù hợp.

- Đối với Lê Trọng K1 là người đã mua chiếc xe mô tô do H và N trộm cắp của bà T: Tuy nhiên, khi mua chiếc xe Kỳ không biết là tài sản do phạm tội mà có. Quá trình giải quyết vụ án, K1 đã chủ động ra nộp lại chiếc xe, do đó không xem xét xử lý đối với K1. HĐXX xét thấy là phù hợp.

[9] Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân:

Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38, 48, 50, 56; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Các Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật dân sự; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Dương Văn H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[2]. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Văn H 30 (Ba mươi) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 11/2025/HS-ST ngày 04/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên .

Buộc bị cáo Dương Văn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 60 (Sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/8/2025.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Vy Văn D, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên số tiền 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 780.000đ (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan và người đại diện hợp pháp có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 9 - Thái Nguyên;
- CQCSĐT CAT Thái Nguyên;
- Phòng Hồ sơ CAT Thái Nguyên;
- Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Trại giam Tân Lập - Bộ Công an;
- Công an xã Chợ Rã;
- Phòng THADS KV9 - Thái Nguyên;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ & NDDHP;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Linh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Xuân Tựu

Bế Thị Thu Trang

Nguyễn Thị Thùy Linh

Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà)

Ông (Bà)

Ông (Bà)

- **Thư ký phiên tòa:** Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS
ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-
HS ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾ sinh ngày.....tháng..... năm.....tại

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án.....,tiền sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾.....

- *Người bào chữa cho bị cáo:*⁽¹⁶⁾ ...

.....
- *Bị hại:*⁽¹⁷⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*⁽¹⁸⁾

.....
- *Nguyên đơn dân sự:*⁽¹⁹⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:*⁽²⁰⁾

.....
- *Bị đơn dân sự:*⁽²¹⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:*⁽²²⁾

.....
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*⁽²³⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*⁽²⁴⁾ ...

.....
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):*⁽²⁵⁾.....

.....
- *Người tham gia tố tụng khác:*⁽²⁶⁾.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1].....
.....
[2].....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào ⁽²⁹⁾.....
.....
(30) ...
...
(31) ...
.....
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành

chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L2 (ví dụ: Ông Trần B1, Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H4 bào chữa cho Nguyễn Văn C1); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội L4 bào chữa cho Nguyễn Văn D2); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)